

Bản án số: 20/2024/DSST
Ngày 19 tháng 8 năm 2024
“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Thanh Tùng

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Ngọc Quý

2. Ông Thạch Nguyễn Mai Thiện Bảo

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Đoàn Anh Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 07 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 03/TB-TA ngày 29 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Đ, sinh năm 1968 và bà Trần Thị P, sinh năm 1967. Cùng trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Bạch T, sinh năm 1963; trú tại: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị N, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị P và bà Trần Thị N, trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa có mối quan hệ quen biết. Ngày 20/02/2023, ông Đ, bà P có cho bà N vay 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Hai bên có làm giấy mượn tiền, giấy mượn tiền do bà N ghi và kí tên vào giấy mượn tiền. Hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2%/ tháng, mỗi tháng bà N sẽ trả cho ông Đ, bà P 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền gốc và lãi, thời gian trả là 20 tháng. Nhưng sau khi vay tiền của ông Đ, bà P thì bà N cũng không trả gốc và lãi cho ông Đ, bà P. Do bà N đã vi phạm về thời gian trả nợ mà hai bên đã cam kết trong giấy vay nợ và bà N chưa trả nợ bất cứ khoản nào, mặc dù ông Đ, bà P đã nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ. Đến nay, bà Trần Thị N không trả cho ông Đ, bà P nên ông Đ, bà P làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh để giải quyết cho ông Đ, bà P.

Nay ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị P yêu cầu bà Trần Thị N phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) và không yêu cầu trả lãi.

- Bị đơn bà Trần Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định, nhưng bà N vắng mặt trong tất cả quá trình giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự, tuyên xử: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 60.000.000 đồng; tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị P khởi kiện bà Trần Thị N có nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Thị N đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị N.

[1.3] Về năm sinh của bị đơn bà Trần Thị N. Trong giấy mượn tiền (BL 02) bà Trần Thị N ghi năm sinh của mình là 1987. Tuy nhiên, quá trình thụ lý vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp và Tòa án thu thập thì có đủ cơ sở xác định bị đơn bà Trần Thị N, sinh năm 1988.

[2] Về nội dung của yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 20 tháng 02 năm 2023, ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị P có cho bà Trần Thị N vay số tiền 60.000.000 đồng. Theo đó, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 60.000.000 đồng, với lãi suất 2% mỗi tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cả tiền gốc và lãi, bị đơn trả cho nguyên đơn trong vòng 20 tháng là hết khoản vay. Hợp đồng vay tài sản giữa các bên là có thật, hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự, nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn cho rằng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi và tiền gốc, mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn, nhưng bị đơn đã không đến Tòa án thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Như vậy, có căn cứ kết luận bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng, không thực hiện đúng hợp đồng, xâm phạm quyền và lợi ích chính đáng của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tiền số tiền gốc 60.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, 466 và 470 Bộ luật dân sự.

[2.3] Về lãi suất: Trong “Giấy mượn tiền” lập ngày 20/02/2023 các bên không ghi lãi suất. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày hợp đồng vay giữa các bên có lãi suất, với mức lãi suất 2% mỗi tháng. Như vậy, mỗi năm là 24%/năm. Hội đồng xét xử nhận thấy: Thỏa thuận với về lãi suất này

vượt quá quy định về lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự. Nên phần thỏa thuận lãi suất vượt quá (4%) không có hiệu lực. Tuy nhiên, nguyên đơn trình bày bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ lãi và nợ gốc. Bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để tính toán số tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn (nếu có). Trong đơn khởi kiện nguyên đơn chỉ yêu cầu buộc bị đơn trả số nợ gốc mà không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xét về tiền lãi.

[2.4] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật với số tiền là 3.000.000 đồng (60.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g khoản 1 Điều 138, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 117; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị P. Buộc bị đơn bà Trần Thị N phải trả cho ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị P số tiền 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng).

Qui định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

2.1. Bị đơn bà Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 60.000.000 đồng x 5% = 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

2.2. Ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đ, bà Trần Thị P số tiền 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006816 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh;
- Chi cục THADS huyện Vạn Ninh (Sau khi án có hiệu lực pháp luật);
- Các đương sự;
- Lưu AV;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Tùng